

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ N  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2020/HS-ST

Ngày 20/11/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NINH BÌNH**

***Với thành phần phiên tòa sơ thẩm theo thủ tục rút gọn:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Bình

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lã Hoàng Giáp, Thư ký - Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Mai Việt Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 162/2020/HSST ngày 05 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, theo thủ tục rút gọn số: 157/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 đối với, bị cáo:

Họ và Tên: **Bùi Văn H**, (Tên gọi khác: không); Giới tính: Nam; Sinh năm 1960, tại Ninh Bình; Trú tại: số nhà 70, ngõ 255, đường N, phố N, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/10; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Văn K và bà Nguyễn Thị V; Vợ: Nguyễn Thị V; Con: có 02 con đã trưởng thành; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 12/10/2020 đến ngày 15/10/2020 được thay thế bằng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” cho đến nay, (có mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Vi Thị K, sinh năm 1970; Trú tại: thôn D, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định, (vắng mặt).

2. Anh Bùi Xuân H1, sinh năm 1992; Trú tại: thôn N, xã N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, (vắng mặt).

**Người làm chứng:** Anh Nguyễn Như T, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 12/10/2020 Bùi Xuân H1 sinh năm 1992 trú tại thôn N, xã N, thành phố N cùng Nguyễn Như T sinh năm 1994 trú tại thôn B, xã N,

thành phố N đến nhà nghỉ 6..8 gặp bà Nguyễn Thị P sinh năm 1948 trú tại thôn D, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định là quản lý của nhà nghỉ 6..8 và thuê phòng 307 để nghỉ và đã trả trước 200.000 đồng tiền thuê phòng nghỉ cho bà P. Khoảng 20 giờ cùng ngày, H và T bàn nhau về việc tìm gái bán dâm đến nhà nghỉ để quan hệ tình dục, sau đó T đi xuống quầy lễ tân tầng 1 và gặp H, thời điểm này bà P đã hết ca đi về và bàn giao lại nhà nghỉ cho H quản lý, T hỏi H *“ở đây có gái bán dâm không gọi đến cho tôi hai em trẻ đẹp”*, khi nghe thấy T đặt vấn đề về việc gọi gái bán dâm, H bảo T đi lên trên tầng 3 nói chuyện. Sau đó T và H đi lên trước cửa phòng 307, H1 cũng có mặt ở đó. Lúc này H sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 lắp sim số 0976.055.459 gọi cho một số gái bán dâm nhưng không được, H tiếp tục gọi đến số điện thoại 0984.182.270 của Vi Thị K nói *“có khách có đi không, đi thì đến đi”* (ý H bảo K đến nhà nghỉ 6..8 bán dâm cho khách), K đồng ý sau đó điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 37F1-1...15 từ thôn D, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định đến nhà nghỉ 6..8 để bán dâm. Sau khi đã gọi cho K đến bán dâm thì H nói với T và H1 *“có một em hơi xấu nếu nó đến đồng ý chơi thì trả cho nó 200.000 đồng một lần, ngoài số tiền 200.000 đồng trả cho gái bán dâm thì T và H1 phải trả cho H số tiền 50.000 đồng/ 1 lượt mua dâm là tiền công gọi gái bán dâm”*, T và H1 đồng ý với yêu cầu của H rồi ngồi đợi. Khi K đến nhà nghỉ 6..8 thì gặp H đang ở quầy lễ tân, H bảo K *“lên phòng 307 khách đang đợi”*, K lấy 2 chiếc bao cao su vỏ màu vàng hiệu Vip plus ở quầy lễ tân mang lên phòng 307 thì gặp H1 trong phòng còn T thấy K đã già nên đi sang phòng 306 ngồi chờ. Khi vào phòng thì K đóng cửa phòng lại, H1 hỏi K *“giá bao nhiêu”* K nói *“200.000 đồng/ 1 lần quan hệ tình dục”*, H1 đồng ý. Sau đó K và H cởi quần áo nằm trên giường ôm nhau, bắt đầu thực hiện hành vi quan hệ tình dục thì bị Đội cảnh sát hình sự công an thành phố N kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Thu giữ của Bùi Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 lắp sim 0976.055.459; thu giữ của Vi Thị K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy j7 pro lắp sim 0984.182.270, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 37F1-1...15, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 013090 mang tên Lang Thị Csinh năm 1991 địa chỉ Bản T, T, Nghệ An, 01 giấy chứng minh nhân dân số 181527890 mang tên Vi Thị K, số tiền 5.000.000 đồng; thu giữ của Bùi Xuân H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 7, số tiền 250.000 đồng; thu giữ của Nguyễn Như T số tiền 250.000 đồng; thu giữ tại phòng 307: 02 bao cao su màu vàng nhãn hiệu Vip plus chưa qua sử dụng; thu giữ tại quầy lễ tân tầng 1 nhà nghỉ 6..8: 01 quyển sổ kẻ ngang kích thước (21x29,7) cm nhãn hiệu Hồng Hà; 01 mắt camera giám sát nhãn hiệu HIKVISION màu trắng xám loại DS-2CD2420F-IW bên trong có 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Kingston 32GB, 01 mắt camera giám sát nhãn hiệu HIKVISION màu trắng

xám loại DS-2CD2420F-IW bên trong có 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Samsung trên bề mặt có ghi chữ 32 EVOPLUS màu trắng đỏ.

Bị cáo Bùi Văn H đã thừa nhận, do H biết K là gái bán dâm, K đã chủ động cho H số điện thoại 0984.182.270 của mình để H lưu vào trong máy điện thoại và thống nhất với H khi nào khách đến nhà nghỉ có nhu cầu mua dâm thì H gọi điện cho K đến nhà nghỉ bán dâm và K sẽ trả cho H số tiền 20.000 đồng là tiền công môi giới, H đồng ý. Khoảng 20 giờ ngày 12/10/2020 H gọi điện cho K đến nhà nghỉ 6..8 bán dâm cho H1 để được hưởng lợi.

Vi Thị K và Bùi Xuân H1 đã khai nhận Bùi Văn H làm quản lý nhà nghỉ là người đã môi giới cho K đến bán dâm cho H1.

Tại Quyết định truy tố số 02/QĐ-VKS ngày 05/11/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo Bùi Văn H về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Bùi Văn H đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm”;

Đề nghị Chủ tọa phiên tòa: tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Môi giới mại dâm”. Áp dụng khoản 1, khoản 4 điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS; xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án; giao bị cáo cho UBND phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình và gia đình theo dõi giáo dục trong thời gian chấp hành án. Phạt bổ sung bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng để sung ngân sách nhà nước.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS; Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc bao cao su màu vàng nhãn hiệu Vip plus chưa qua sử dụng; Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 lắp sim 0976.055.459 thu giữ của Bùi Văn H và số tiền 250.000 đồng thu giữ của Bùi Văn Học.

Bị cáo là người cao tuổi, theo Luật người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu án phí Tòa án

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với Biên bản kiểm tra cư trú, Biên bản bắt người phạm tội quả tang; lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung truy tố của Viện kiểm sát. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 12/10/2020, tại Nhà nghỉ 6..8 địa chỉ: số nhà 07, ngõ 10, đường P, phố 4, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, bị cáo Bùi Văn H đã có hành vi môi giới để Vi Thị K bán dâm cho Bùi Xuân H1, nhằm mục đích hưởng lợi. Khi Vi Thị K và Bùi Xuân H1 đang chuẩn bị thực hiện hành vi giao cấu mua bán dâm thì công an kiểm tra phát hiện bắt giữ.

Hành vi của bị cáo Bùi Văn H đã cấu thành tội “Môi giới mại dâm”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 328 của BLHS.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, xâm phạm đến đạo đức xã hội, nếp sống văn minh xã hội, sức khỏe người khác và là nguyên nhân lan truyền các bệnh nguy hiểm cho nhiều người được bộ luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự và độ tuổi theo quy định; cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại quyết định truy tố, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo chưa có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo; xét thấy: bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, Vì vậy, không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù vì có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Do đó cần áp dụng Điều 65 BLHS giao bị cáo cho chính quyền địa phương

giám sát, giáo dục và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo bị cáo phạm tội nhằm thu lợi bất chính do đó cần áp dụng khoản 4 Điều 328 của BLHS phạt tiền bị cáo 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 lắp sim 0976.055.459 thu giữ của Bùi Văn H sử dụng để liên lạc trong việc mua, bán dâm và số tiền số tiền 250.000 đồng thu giữ của Bùi Xuân H1 là tiền mua, bán dâm; cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 02 chiếc bao cao su màu vàng nhãn hiệu Vip plus chưa qua sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[3] Các vấn đề khác:

- Về hành vi bán dâm của Vi Thị K cho Bùi Xuân H1 ngày 12/10/2020 Công an thành phố N đã ra quyết định xử phạt hành chính hành vi bán dâm của K theo quy định tại khoản 1, điều 23, Nghị định số 167/2013 của Chính phủ với mức tiền phạt là 100.000 đồng.

- Đối với hành vi mua dâm của Bùi Xuân H1 ngày 12/10/2020 Công an thành phố N đã ra quyết định xử phạt hành chính hành vi mua dâm của H1 theo quy định tại khoản 1, điều 22, Nghị định số 167/2013 của Chính phủ với mức tiền phạt là 500.000 đồng.

- Đối với số tiền 250.000 thu giữ của Nguyễn Như T, quá trình điều tra xác định là tiền của T do lao động mà có, tối ngày 12/10/2020 T rủ H1 tìm gái để mua dâm nhưng tại thời điểm bắt quả tang T khai nhận do chị K già xấu nên T không mua dâm mà sang phòng 306 ngồi đợi. Do đó cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để xử phạt hành chính đối với T về hành vi mua dâm và ra quyết định trả lại cho T số tiền 250.000 đồng là đúng quy định.

- Đối với anh Lê Hồng L và chị Đinh Thị L là chủ nhà nghỉ 6..8, quá trình điều tra xác định việc Bùi Văn H gọi điện cho Vi Thị K đến đến nhà nghỉ 6..8 bán dâm cho khách vào tối ngày 12/10/2020 thì vợ chồng anh L không có mặt tại nhà nghỉ và không biết việc H gọi K đến nhà nghỉ bán dâm, anh L có ký hợp đồng lao động với H và trong hợp đồng có nêu rõ không được chứa chấp gái mại dâm và môi giới mại dâm do đó không có căn cứ xử lý hình sự đối với anh L và chị L.

- Ngoài ra trong quá trình điều tra, H và K còn khai nhận ngoài lần H môi giới cho K bán dâm tối ngày 12/10/2020 tại nhà nghỉ 6..8 và bị bắt quả tang thì trước đó H còn hai lần môi giới cho K bán dâm cho khách tại nhà nghỉ 6..8 nhưng cả H và K đều không nhớ vào thời gian nào, khách mua dâm có tên tuổi, địa chỉ là ai nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xác minh điều tra làm rõ hành vi môi giới bán dâm như H

và K đã khai.

- Đối với 01 quyển sổ kẻ ngang kích thước (21x29,7) cm nhãn hiệu Hồng Hà; 01 mắt camera giám sát nhãn hiệu HIKVISION màu trắng xám loại DS-2CD2420F-IW bên trong có 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Kingston 32GB, 01 mắt camera giám sát nhãn hiệu HIKVISION màu trắng xám loại DS-2CD2420F-IW bên trong có 01 thẻ nhớ nhãn hiệu Samsung trên bề mặt có ghi chữ 32 EVOPLUS màu trắng đỏ thu giữ tại nhà nghỉ 6..8, quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Lê Hồng L - chủ nhà nghỉ 6..8 là đúng quy định.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 37F1-1...15; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 37F1-1...15 số 013090 mang tên Lang Thị C sinh năm 1991 địa chỉ Bản T, T, Nghệ An thu giữ của Vi Thị K, quá trình điều tra xác định K mượn của con dâu là chị Lang Thị C sinh năm 1991 trú tại Thị Trấn K, huyện Q, tỉnh Nghệ An vào khoảng tháng 7 năm 2020 để làm phương tiện đi lại. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô và đăng ký xe cho chị C là có căn cứ.

- Đối với số tiền 5.000.000 đồng; 01 chứng minh nhân dân số 181527890 mang tên Vi Thị K đã thu giữ của Kim khi bắt quả tang, quá trình điều tra xác định là giấy tờ, tài sản của K không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho K là có căn cứ.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 thu giữ của Bùi Xuân H1 không liên quan đến vụ án nên cơ quan điều tra đã trả lại cho H1 là có căn cứ.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Pro lắp sim 0984.182.270 thu giữ của Vi Thị K sử dụng liên lạc với Bùi Văn H để đến nhà nghỉ 6..8 bán dâm, cơ quan điều tra đã tách theo hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính để xử lý theo quy định.

[4]. Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi, theo Luật người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu án phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 1, khoản 4 điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 106 BLTTHS. điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu án phí Tòa án.

**1. Tuyên bố: bị cáo Bùi Văn H phạm tội “Môi giới mại dâm”;**

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời

gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án 20/11/2020 (bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 12/10/2020 đến ngày 15/10/2020); giao bị cáo cho UBND phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình theo dõi giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo Hậu có trách nhiệm phối hợp với UBND phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Nếu bị cáo Bùi Văn H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68 luật Thi hành án hình sự.

*(Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS).*

- Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

## **2. Xử lý vật chứng:**

2.1. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 250.000 đồng; (Số tiền 250.000 đồng hiện đang ở tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N tại kho bạc Nhà nước thành phố N, theo uỷ nhiệm chi số 208 lập ngày 11/11/2020).

2.2. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động.

2.3. Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc bao cao su.

(Đặc điểm, chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/11/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N).

**3. Án phí hình sự sơ thẩm:** bị cáo được miễn không phải nộp.

## **4. Quyền kháng cáo:**

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Chị Kim và anh Học có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Công an thành phố N;
- Chi cục THA.DS thành phố N;
- Thi hành án HS;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;
- Lưu (Hồ sơ, VP);

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Nguyễn Ngọc Bình**